TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sen. Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chiều. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: Chị Đàm Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Việt, địa chỉ Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Ngân hàng TNHH Việt Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn anh Phạm Quang T trình bày:* Anh kết hôn với chị Đàm Thị Thanh T ngày 05/10/2006, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị T không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tháng 2/2020 chị T có đơn xin ly hôn anh, sau đó chị T rút đơn về nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Theo bản tự khai và các lời khai, bị đơn chị Đàm Thị Thanh T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Quang T ngày 05/10/2006, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan đểm sống sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình vợ con, đi làm quanh năm suốt tháng còn có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng mâu thuẫn nên chị về mẹ đẻ ở từ tháng 02/2020 đến ngày 04/10/2020 thì chị lại về nhà anh T để chăm lo cho các con, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị T có 04 con chung là cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 20/5/2007, cháu Phạm D, sinh ngày 15/9/2013, cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 14/10/2016, cháu Phạm Quang P, sinh ngày 14/10/2016. Quá trình giải quyết anh T và chị T đều có nguyện vọng nuôi 04 cháu, sau đó anh T xin đươc nuôi 03 cháu là cháu N, cháu Đ và cháu P, chị T đồng ý. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T và chị T khai năm 2011 vợ chồng xây được một ngôi nhà 2 tầng trên thửa đất gia đình cho anh T có diện tích 61m^2 đất ở Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trị giá khoảng 200.000.000 đồng, mua được 01 xe máy Honda – Wave trị giá 22.000.0000 đồng, mua được tivi LG trị giá 7.000.000 đồng, 01 tủ lạnh Sanyo trị giá 4.900.000 đồng, 01 máy giặt LG trị giá 9.000.000 đồng, 01 máy lọc nước trị giá 3.600.000 đồng.

Về nợ: Năm 2018 anh T đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH một thành

viên giải pháp sàn công nghiệp Việt mua 01 ô tô hãng Hyundai, số loại Accent 1.4AT giá 499.000.000 đồng và thế chấp ô tô tháng 9/2018 tại Ngân hàng TNHH Một thành viên S, để vay số tiền 349.000.000 đồng hiện nay còn nợ Ngân hàng tạm tính ngày 26/11/2020 là 200.245.914 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu chia tài sản chung và số nợ. Ngày 8/11/2020 chị Đàm Thị Thanh T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung và số nợ, ngày 25/11/2020 chị T nộp dự phí chia tài sản. Ngày 14/12/2020 chị Đàm Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản để chị T và anh T tự giải quyết tài sản và số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH do anh Phạm Quang T là người đại diện theo pháp luật trình bày: Tháng 9/2018 anh đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH một thành viên giải pháp sàn công nghiệp Việt thế chấp 01 ô tô hãng Hyundai, số loại Accent 1.4AT giá 499.000.000 đồng tại Ngân hàng TNHH Một thành viên S, để vay số tiền 349.000.000 đồng, hiện nay còn nợ Ngân hàng tạm tính ngày 26/11/2020 là 200.245.914 đồng, anh T vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, anh T cam kết sẽ trả tiếp khoản nợ và không đề nghị chị T phải trả nợ.

Ngày 09/12/2020 Tòa án thông báo cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S biết việc anh Phạm Quang T ly hôn chị Đàm Thị Thanh T và việc chị T có yêu cầu độc lập chia tài sản liên quan đến khoản nợ của ngân hàng mà anh T vay và đã thế chấp tài sản là chiếc ô tô. Ngày 06/01/2021 đại diện Ngân hàng TNHH Một thành viên S – Chi nhánh Trần Duy Hưng trình bày: Ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu 100% vốn góp đồng thời là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH một thành viên giải pháp sàn công nghiệp Việt hiện còn nợ tính đến ngày 06/01/2020 là 188.803.000 đồng. Quá trình vay vốn, công ty (đại diện là anh T) đã trả và hợp tác trả nợ đúng hạn cho ngân hàng nên ngân hàng không yêu cầu chị T thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, ngân hàng không yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ của ngân hàng trong vụ án.

Tại phiên tòa: Anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T thỏa thuận việc ly hôn, việc nuôi con anh T nuôi 03 cháu là cháu N, cháu P và cháu Đ. Chị T nuôi một cháu là cháu D, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ: Anh T và chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự,

quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của chị Đàm Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T .

Về con chung: Công nhận thỏa thuận về việc nuôi con: Giao cho anh T nuôi 03 cháu là Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 20/5/2007, cháu Phạm Quang Đ và cháu Phạm Quang P, sinh ngày 14/10/2016. Giao cho chị T nuôi cháu Phạm D, sinh ngày 15/9/2013. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản: Hai bên không đề nghị nên không xem xét

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trả chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản số tiền là 10.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Quang T khởi kiện về việc xin ly hôn đối với chị Đàm Thị Thanh T có địa chỉ tại Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo qui định của pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Quang T và chị ĐàmThị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 05/10/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T chung sống hạnh P đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T và chị T không cùng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau không tìm được tiếng nói chung. Anh T, chị T sống ly thân từ đầu năm 2020, hai bên không quan T đến nhau. Nay anh T và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T có 04 chung là cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 20/5/2007, cháu Phạm D, sinh ngày 15/9/2013, cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 14/10/2016, cháu Phạm Quang P, sinh ngày 14/10/2016. Anh T, chị T thống nhất thỏa thuận anh T nuôi ba cháu là Phạm Thị Thanh N, Phạm Quang

Đ và Phạm Quang P. Chị T nuôi cháu Phạm D, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận của anh T, chị T là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh T, chị T về việc nuôi con theo điều 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình. Anh T, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị T khai vợ chồng xây được một ngôi nhà 2 tầng trên thửa đất gia đình cho anh T, mua được 01 xe máy Honda – Wave, mua được tivi LG, 01 tủ lạnh Sanyo, 01 máy giặt LG, 01 máy lọc nước.

Về nợ: Anh T đại diện Công ty TNHH một thành viên giải pháp sàn công nghiệp Việt mua 01 ô tô hãng Hyundai, số loại Accent 1.4AT giá 499.000.000 đồng và thế chấp ô tô tại Ngân hàng TNHH Một thành viên S, để vay số tiền 349.000.000 đồng, nay anh T còn nợ Ngân hàng tạm tính ngày 06/01/2021 là 188.803.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu chia tài sản chung và số nợ. Ngày 08/11/2020 chị Đàm Thị Thanh T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung và số nợ, ngày 25/11/2020 chị T nộp tạm ứng án phí chia tài sản. Ngày 14/12/2020 chị Đàm Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu phản tố về chia tài sản để chị và anh T tự giải quyết tài sản và số nợ. Do chị T rút yêu cầu phản tố về chia tài sản và số nợ nên Tòa án đình chỉ yêu cầu phản tố của chị T và trả chị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản mà chị T đã nộp. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S về việc ly hôn của anh T, chị T và số nợ anh T đại diện công ty TNHH một thành viên giải pháp sàn công nghiệp Việt còn nợ ngân hàng TNHH Một thành viên S nhưng ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ của anh T trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét khoản nợ của ngân hàng, còn nếu sau này ngân hàng có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Án phí: Anh Phạm Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại chị Đàm Thị Thanh T số tiền 10.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T.

2. Về con chung: Anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T có bốn con chung là cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 20/5/2007, cháu Phạm D, sinh ngày 15/9/2013, cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 14/10/2016, cháu Phạm Quang P, sinh ngày 14/10/2016. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T: Giao cháu Phạm Thị Thanh N, cháu Phạm Quang Đ và cháu Phạm Quang P cho anh Phạm Quang T nuôi. Giao cháu Phạm D cho chị Đàm Thị Thanh T nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Phạm Quang T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Đàm Thị Thanh T cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Phạm Quang T và chị Đàm Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh Phạm Quang T không yêu cầu giải quyết. Chị Đàm Thị Thanh T rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung cũng như số nợ. Ngân hàng TNHH Một thành viên S không yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết số nợ nên đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Đàm Thị Thanh T.

4. Về án phí: Anh Phạm Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014579 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Trả lại chị Đàm Thị Thanh T số tiền 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014675 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Quang T, chị Đàm Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Hồng Hà,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết